

LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM  
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ MINH TÚ

PHONG TỤC  
CƯỚI HỎI TRUYỀN THỐNG  
CỦA NGƯỜI LÀO BẢN PHIÊN SẢ,  
XÃ MỪNG KHOA, HUYỆN TÂN UYÊN,  
TỈNH LAI CHÂU



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC



LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM  
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ MINH TÚ

**PHONG TỤC  
CƯỚI HỎI TRUYỀN THỐNG  
CỦA NGƯỜI LÀO BẢN PHIÊN SẢN,  
XÃ MỪNG KHOA, HUYỆN TÂN UYÊN,  
TỈNH LAI CHÂU**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC



**ĐỀ ÁN BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ  
TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT  
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM**

**Cố vấn Ban Chỉ đạo:** Nhà thơ Hữu Thịnh  
Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

**BAN CHỈ ĐẠO**

1. Nhà văn Tùng Điền (Trần Quang Điền) *Trưởng ban*
2. Nhà nghiên cứu, TS. Đoàn Thanh Nô *Phó Trưởng ban*
3. TS. Trịnh Thị Thủy *Phó Trưởng ban*
4. Nhạc sĩ Nông Quốc Bình *Ủy viên kiêm Giám đốc*
5. GS.TS. Nguyễn Xuân Kính *Ủy viên*
6. PGS.TS. Lâm Bá Nam *Ủy viên*
7. ThS. Vũ Công Hội *Ủy viên*
8. ThS. Phạm Văn Trường *Ủy viên*
9. ThS. Nguyễn Nguyên *Ủy viên*
10. ThS. Nguyễn Ngọc Bích *Ủy viên*

**Giám đốc**  
Nhạc sĩ Nông Quốc Bình



## LỜI GIỚI THIỆU

Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mái nhà chung của các Hội Văn học nghệ thuật cả nước. Liên hiệp gồm 74 tổ chức thành viên với trên 45.000 hội viên là văn nghệ sĩ thuộc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trải qua gần 25 năm hình thành và phát triển, đến nay Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam đã có hơn một nghìn hội viên, trong đó gần 600 hội viên là người dân tộc thiểu số hoạt động tại 34 tổ chức cơ sở và các chi hội, tỉnh thành hội trong cả nước. Trong giai đoạn từ năm 1999 đến nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đã có hàng nghìn công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam được sưu tầm, nghiên cứu, biên dịch, sáng tạo.

Bộ sách này là một phần của Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam”, với mục tiêu là thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước nhằm bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; quảng bá di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam với bạn bè thế giới; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bổ sung nguồn tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi, giao lưu và phát triển văn hóa giữa các tộc người, nhân dân trong và ngoài nước, với cộng đồng quốc tế.

Bộ sách là kết quả từ kho tài liệu hàng nghìn công trình, tác phẩm đã được nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch, sáng tạo qua nhiều thế hệ tác giả, nghệ nhân, hội viên của Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam. Trong quá trình thực hiện bộ sách, Ban Chỉ đạo mong nhận được góp ý của quý bạn đọc gần xa.

TM. BAN CHỈ ĐẠO  
TRƯỞNG BAN

Nhà văn Tùng Diên  
*Phó Chủ tịch Thường trực*  
*Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam*



## LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, dân tộc Lào ở nước ta có khoảng trên một vạn người. Đồng bào cư trú chủ yếu ở địa đầu vùng biên giới Việt - Lào, Việt - Trung miền Tây Bắc, thuộc các huyện Phong Thổ, Tân Uyên (Lai Châu); một số địa phương thuộc tỉnh Điện Biên và huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La...

Nghiên cứu tục cưới hỏi của người Lào, chúng tôi chọn bản Phiêng Sắn, xã Mường Khương, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu là địa bàn nghiên cứu chính. Đây là một trong những bản người Lào cư trú tập trung và gìn giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống tộc người độc đáo.

“Phiêng Sắn” là tên gọi mà người Lào đặt cho bản của mình với ý nghĩa đặc trưng từ khi tổ tiên họ đến đây khai phá. Tiếng Lào “co mắc sắn” có các ý nghĩa như sau: “co” có nghĩa là cây; “mắc sắn” có nghĩa là quả sỏ, cây sỏ; còn “phiêng” lại có nghĩa là đồng ruộng, bãi, bản. Như vậy, tên “Phiêng Sắn” là một từ ghép nói lên đặc điểm của bản là nơi đất bằng ruộng thấp, nơi

có nhiều cây sô. Phía Đông của bản giáp với các bản Mường Khoa, Ngọc Nại; phía Bắc giáp với Nà Mít; phía Tây tiếp giáp với Nà An; phía Nam giáp Phiêng Hào, Mường Khoa. Từ Ủy ban nhân dân xã đi qua bản Mường Khoa, bản Hà Tây đến bản Phiêng Sắn khoảng 3 - 4km. Bản cách trung tâm huyện khoảng 40km.

Người Lào cư trú mật tập ở thấp, gần nguồn nước. Trước đây cả bản cư trú dọc theo ven suối nhưng do lũ to ngập hết bản làng nên đồng bào mới chuyển đến vị trí hiện tại. Người Lào dựng nhà sàn san sát nhau ở ven hai chân đồi đối diện nhau, ở giữa nhìn xuống là đồng ruộng tạo thành hình chữ U. Bao bọc xung quanh bản là những quả đồi tương đối cao, việc đi lại ở trong bản thuận lợi vì địa hình thấp. Tuy nhiên, đường giao thông liên thôn đi đến các trung tâm mới được mở đầu năm 2005 nên việc đi lại vẫn gặp khó khăn. Trước đây người dân đi lại bằng hình thức men theo các bờ ruộng và hai con suối to là Nặm Bon và Nặm Be. Nặm Bon trong tiếng Lào có nghĩa là suối có nhiều cây khoai bon mọc hai bên bờ. Nặm Be trong tiếng Lào có nghĩa là suối có nhiều ngả, nhiều nhánh vì “nặm” có nghĩa là suối, nước, còn “be” có nghĩa là ngả, nhánh. Người Lào ở Phiêng Sắn tự gọi mình là “Lào Noội” tức là người Lào nhỏ để phân biệt với